

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 05-5-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2020/TLST- HNGĐ ngày 09-11-2020, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20-4-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn 9, xã HB, huyện VB, thành phố hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T; nơi cư trú: Thôn 4, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-10-2020, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị N, trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng ngày 02-6-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý, anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14-11-2011, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Anh Đỗ Văn T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh xác định được: Về điều kiện kết hôn, thời gian, hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Đỗ Văn T như nội dung chị N trình bày là đúng, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14-11-2011, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xác định được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 83 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử; xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn T; đề nghị giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14-11-2011, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có

sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Do hai bên không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị N và bị đơn là anh Đỗ Văn T có nơi cư trú tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Đỗ Văn T đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Tại phiên tòa lần 2 anh T vẫn vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Phạm Thị N và bị đơn là anh Đỗ Văn T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng ngày 02-6-2011 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn, anh T không có quan điểm và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T không đến. Điều đó chứng tỏ anh T không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, qua xác minh tại địa phương và gia đình đều thể hiện vợ chồng chị N, anh T đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay nên có đủ căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N xin ly hôn với anh Đỗ Văn T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14-11-2011, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện được ở với chị N, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có việc làm, có thu nhập đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xử căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Đỗ Minh H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14-11-2011, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0017397 ngày 09-11-2020**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã VT, huyện VB;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh